

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9920/QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 30 tháng 12 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý, huyện  
Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn Cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc Hội

Căn Cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn Cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn Cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn Cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn Cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn Cứ Quyết định số 62/2020 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của



quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của ủy ban nhân dân tỉnh đồng nai

Căn cứ Văn bản số 4407/UBND-CNN ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng trên cơ sở rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định QHXD tại Tờ trình số 318 /TTr-KTHT ngày 03 tháng 11 năm 2022,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:**

#### **a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:**

Xã Phú Lý nằm ở phía Đông Bắc của huyện Vĩnh Cửu, có phạm vi ranh giới bao gồm 09 ấp, Vị trí và ranh giới xã được xác định như sau:

- + Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp tỉnh Bình Phước
- + Phía Đông và Đông Nam : Giáp huyện Vĩnh Cửu và huyện Định Quán.
- + Phía Tây: Giáp xã Mã Đà - Vĩnh Cửu - Đồng Nai
- + Phía Đông: Giáp xã Thanh Sơn - Định Quán - Đồng Nai

#### **b) Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 27.899,83 ha.**

#### **c) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/10.000.**

#### **d) Thời hạn và phân kỳ lập quy hoạch:**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025.
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:**

#### **a) Quan điểm, mục tiêu:**

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh.

- Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao nhanh và bền vững.

- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

- Cụ thể hóa nội dung định hướng và đặc trưng của xã nông thôn mới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

- Là căn cứ để chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của địa phương; đánh giá công nhận xã đạt nông thôn mới trong giai đoạn 2016 – 2020; đánh giá trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; giúp cho cán bộ và nhân dân địa phương hiểu rõ nội dung cụ thể của xây dựng nông thôn mới.

- Định hướng khu vực phát triển đô thị xã Phú Lý là đô thị - du lịch, đô thị loại V.

### **b) Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã:**

Là một trong những xã thuộc vùng phát triển chức năng bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, bảo tồn môi trường nước hồ Trị An và xây dựng đô thị Phú Lý loại V.

Là vùng phát triển về nông nghiệp tập trung, các dịch vụ về du lịch sinh thái ven hồ Trị An, sông Đồng Nai,...

### **3. Dự báo sơ bộ quy mô dân số, lao động, lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:**

#### **a) Dự báo quy mô dân số:**

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 18.279 người.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 20.530 người.

#### **b) Dự báo quy mô dân số trong độ tuổi lao động:**

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 13.710 người.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 18.500 người.

#### **c) Lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:**

- Căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt và quy hoạch ngành liên quan trên cơ sở kế thừa và tiến hành rà soát bổ sung theo quy định:

- Chỉ tiêu đất đô thị loại V : 165,81 m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng : 199,46 m<sup>2</sup>/người.
  - + Đất ở : 123,46 m<sup>2</sup>/người.
  - + Đất công cộng : 9,26 m<sup>2</sup>/người.
  - + Đất cây xanh : 2,33 m<sup>2</sup>/người.
  - + Đất giao thông, sân bãi : 64,41 m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật
  - + Về cấp nước tiêu chuẩn : 80-100 lít/người/ngày .
  - + Về thoát nước bản tiêu chuẩn :  $\geq 80\%$  lượng nước cấp.
  - + Về cấp điện tiêu chuẩn :  $\geq 660\text{W}$ /người.
  - + Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường : 0,8 kg rác/người/ngày/đêm.

#### **4. Phân khu chức năng:**

##### **a) Hệ thống trung tâm xã:**

- Xã có 01 đô thị Phú Lý thuộc ấp 1, ấp Lý Lịch 1 và ấp Lý Lịch 2, quy mô 124,36ha.

##### **b) Hệ thống các khu dân cư:**

- Đến thời điểm hiện nay, các điểm dân cư này đã lấp đầy và có chiều hướng mở rộng dọc theo các trục đường chính của xã. Do vậy, định hướng trong thời gian tới khoanh vùng không chế quản lý xây dựng, kết nối và hợp nhất một số điểm dân cư thành 11 điểm dân cư nông thôn tập trung gồm:

- Khu đô thị Phú Lý (chức năng là Khu trung tâm xã, khu ở hiện hữu và khu ở quy hoạch) thuộc ấp 1, ấp Lý Lịch 1 và ấp Lý Lịch 2, diện tích: 124,36 ha.

- Điểm dân cư số 1 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 1 và ấp 2, diện tích: 31,96 ha.

- Điểm dân cư số 2 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 2, diện tích: 27,31 ha.

- Điểm dân cư số 3 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 2 và ấp 3, diện tích: 16,35 ha.

- Điểm dân cư số 4 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 3, diện tích: 26,94 ha.

- Điểm dân cư số 5 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp Lý Lịch 2, diện tích: 6,67 ha.

- Điểm dân cư số 6 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 4, diện tích: 28,82 ha.

- Điểm dân cư số 7 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 4 và ấp Lý Lịch 2, diện tích: 25,04 ha.

- Điểm dân cư số 8 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 4 và ấp Bàu Phụng, diện tích: 38,54 ha.

- Điểm dân cư số 9 (chức năng là khu ở hiện hữu) thuộc ấp 4 và ấp Bàu Phụng, diện tích: 20,32 ha.

- Điểm dân cư số 10 (chức năng là khu ở hiện hữu và khu ở quy hoạch) thuộc ấp Bàu Phụng, ấp Bình Chánh và ấp Cây Cày, diện tích: 49,26 ha.

- Dân cư rải rác còn lại (Hiện hữu, hạn chế xây dựng mở rộng), gồm các hộ dân sống theo các trục đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất.

- Các khu dân cư trên được quy định mật độ xây dựng gộp tối đa là 60%. Hình thức kiến trúc nhà ở khuyến khích thân thiện với thiên nhiên, sử dụng vật liệu địa phương.

#### **c) Dân cư rải rác còn lại:**

Các hộ dân Hiện hữu sống rải rác theo các trục đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất hạn chế xây dựng mở rộng. Khuyến khích các hộ này vào các điểm dân cư tập trung để tận dụng hạ tầng một cách tối ưu nhất.

#### **d) Khu sản xuất:**

- Giữ nguyên hiện trạng hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất TTCN hiện có trên địa bàn, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và bảo vệ môi trường.

#### **e) Các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển:**

- Các khu vực có khả năng phát triển: khu đô thị Phú Lý, dọc đường ĐT 761, đường Thanh Sơn – Xuân Bắc.

- Các khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực nông nghiệp còn lại theo định hướng không gian toàn xã.

#### **f) Khu vực cấm xây dựng:**

- Khu vực ven các Suối trong phạm vi 30m tính từ mép suối đất nông nghiệp.

#### **g) Khu đặc thù:**

- Khu du lịch sinh thái dọc theo hồ Trị An thuộc các ấp Bàu Phụng, ấp Bình Chánh và ấp Cây Cày

#### **h) Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng:**

Các công trình đầu mối kết nối hạ tầng được thực hiện theo các tuyến đường giao thông liên xã, liên huyện...

## 5. Định hướng tổ chức không gian xã:

a) Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản:

### \* Công trình trụ sở, cơ quan:

#### - Trụ sở UBND xã:

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 8.127 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

#### - Trụ sở Công an xã:

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 1.505 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

#### - Công trình y tế:

+ Trạm y tế xã công trình hiện hữu diện tích 879m<sup>2</sup> nằm trong điểm trung tâm xã.

+ Phòng khám Đa khoa Phú Lý công trình hiện hữu diện tích 2.771 m<sup>2</sup> nằm trong điểm dân cư số 8

+ Vườn cây thuốc hiện hữu diện tích 12.028 m<sup>2</sup> nằm trong điểm trung tâm xã.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

### \* Công trình giáo dục và đào tạo:

#### - Trường mầm non:

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 7.154 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc hiện đại, màu sắc vui tươi.

#### - Trường mầm non Phú Lý:

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 10.

+ Quy mô: 1.507 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc hiện đại, màu sắc vui tươi.

**- Trường Tiểu học Bà Phụng (hiện hữu):**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 8.
- + Quy mô: 3.471 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 03 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Trường Tiểu học Bà Phụng:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 8.
- + Quy mô: 1.134 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 03 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Trường THPT Phú Lý:**

- + Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.
- + Quy mô: 9.427 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, Tầng cao từ 01 đến 05 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Trường THCS Phú Lý:**

- + Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.
- + Quy mô: 15.527 m<sup>2</sup> công trình xây mới, Tầng cao từ 01 đến 04 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Trường THCS & THPT Huỳnh Văn Nghệ:**

- + Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.
- + Quy mô: 26.663 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, Tầng cao từ 01 đến 05 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Khu đất giáo dục:**

- + Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.
- + Quy mô: 5.086 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, Tầng cao từ 01 đến 04 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**- Trường Tiểu học, THCS Phú Lý:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 10.
- + Quy mô: 14.436 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu mở rộng, Tầng cao từ 01 đến 04 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc truyền thống, mái ngói.

**\* Công trình văn hóa, sinh hoạt cộng đồng:**

**- Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao:**

- + Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.
- + Quy mô: 8.550 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: theo kiến trúc hiện đại.

**- Nhà văn hóa Bình Chánh:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 10.

+ Quy mô: 548 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa ấp 1:**

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 1.105 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa ấp 2:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 2.

+ Quy mô: 1.253 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 4.

+ Quy mô: 2.509 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa ấp Lý Lịch 1:**

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 263 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa ấp Lý Lịch 2:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 7.

+ Quy mô: 413 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa ấp Cây Cậy:**

+ Vị trí: Nằm ngoài các điểm dân cư.

+ Quy mô: 4.071 m<sup>2</sup> công trình xây mới, tầng cao xây dựng 01 tầng.



+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa Ấp 4:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 2.

+ Quy mô: 2.486 m<sup>2</sup> công trình xây mới, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Nhà văn hóa Ấp Bàu Phụng:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 10.

+ Quy mô: 368 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu, tầng cao xây dựng 01 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**- Công trình thể dục thể thao:**

+ Sân bóng, diện tích: 12.542 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao ấp Lý Lịch 1, diện tích: 772 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao ấp Lý Lịch 2, diện tích: 2.289 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao ấp Bàu Phụng, diện tích: 2.800 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao Bình Chánh, diện tích: 2.141 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao Ấp 1, diện tích: 3.639 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao Ấp 2, diện tích: 1.432 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao ấp 3, diện tích: 616 m<sup>2</sup>.

+ Sân thể thao ấp 4, diện tích: 2.240 m<sup>2</sup>.

**\* Công trình thương mại dịch vụ, chợ:**

**- Chợ Phú Lý:**

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 4.084 m<sup>2</sup> công trình hiện hữu.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

**- Trung tâm thương mại:**

+ Vị trí: Nằm trong Khu đô thị Phú Lý.

+ Quy mô: 8.878 m<sup>2</sup> công trình xây mới, tầng cao xây dựng 01-02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc hiện đại mang tính thẩm mỹ cao.

**- Công trình công cộng khác:**

- + Khu nhà ở giáo viên, diện tích: 2.235 m<sup>2</sup>.
- + Trường đại học công nghệ Đồng Nai, diện tích: 34.423 m<sup>2</sup>.
- + Trạm kiểm lâm, diện tích: 12.663 m<sup>2</sup>.
- + Trạm Kiểm lâm Bà Điền, diện tích: 3.003 m<sup>2</sup>.
- + Trạm Kiểm lâm Trung ương Cục, diện tích: 3.001 m<sup>2</sup>.
- + Trạm kiểm lâm Đakinde, diện tích: 6.939 m<sup>2</sup>.
- + Trạm Kiểm lâm Suối Ràng, diện tích: 4.679 m<sup>2</sup>.
- + Trạm Kiểm lâm Suối Mây, diện tích: 2.938 m<sup>2</sup>.

**b) Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản cũ:**

**\* Xác định các chỉ tiêu:**

- Mật độ xây dựng trung bình:
- + Công trình công cộng : 30 - 40 %.
- + Nhà ở
- Nhà liên kế : 70 - 90%.
- Nhà vườn : 40 - 60%.
- Tầng cao trung bình : 01 - 03 tầng.

**\* Định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương:**

- Nhà ở xây dựng theo hình thức nhà vườn, thấp tầng (1 - 2 tầng), diện tích đất lớn, mật độ xây dựng tối đa 40 - 60%;
- Nhà ở theo hình thức liền kề, tầng cao từ 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 90%.
- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 2 đến 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 40% (phù hợp với tiêu chí hành lang xanh).

**c) Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:**

**\* Các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề:**

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các ngành chế biến nông-lâm - thủy sản, sản xuất phân bón, thu mua nông sản, xây dựng... để phục vụ công tác xây dựng tại địa phương. Quy mô khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề khoảng 11,09 ha.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ đầu tư, dịch vụ phân phối bán lẻ, phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm cả cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm cho nông – lâm – ngư nghiệp và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

**\* Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:**

**- Khu vực sản xuất:**

+ Trồng trọt: Xã Phú Lý có thế mạnh là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm (điều, cao su....) và cây ăn quả như: xoài, sầu riêng, quýt, bưởi... cho sản lượng rất cao, góp phần không nhỏ cho phát triển kinh tế của địa phương.

+ Chăn nuôi (tổ chức theo hướng tập trung): Quy hoạch vùng chăn nuôi (tổ chức theo hướng tập trung): Định hướng trên địa bàn xã phát triển các khu chăn nuôi tập trung với quy mô diện tích khoảng 307,49 ha. Khu vực này có vị trí thuận lợi về giao thông, nước ngầm dồi dào và môi trường trong việc chọn vị trí chăn nuôi tập trung.

+ Nuôi trồng thủy sản: Tiếp tục duy trì các mô hình ao hồ nuôi trồng thủy sản hiện hữu, cần chú trọng lựa chọn con giống và nguồn thức ăn phù hợp.

+ Khu vực dịch vụ: Khuyến khích các thành phần kinh tế trên địa bàn xã kinh doanh các mặt hàng nhu yếu phẩm, bố trí cửa hàng kinh doanh, mở các tiệm tạp hóa hay các cửa hàng tiện ích phục vụ nhu cầu người dân trong xã và khách du lịch từ nơi khác đến.

**- Khu vực phục vụ sản xuất nông nghiệp:**

Nguồn nước cho sản xuất: Tận dụng hệ thống nguồn nước hệ thống sông rạch trên địa bàn xã, xây dựng các trạm bơm nước kế hợp với hệ thống kênh suối, mương tự nhiên cung cấp nước cho các khu vực trồng trọt, chăn nuôi theo quy định.

- **Khu vực đặc thù:** Khu du lịch sinh thái dọc theo hồ Trị An thuộc các ấp Bàu Phụng, ấp Bình Chánh và ấp Cây Cày

**6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:**

**a) Giao thông:**

**Hệ thống đường Tỉnh:**

- Đường ĐT761: Tuyến bắt đầu từ xã Mã Đà đi xã Phú Lý, chiều dài tuyến qua địa bàn xã Phú Lý khoảng 10,935km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 45m.

- Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn: Tuyến bắt đầu từ Đường ĐT761 đi qua huyện Định Quán đến giao đường ĐT.763, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, chiều dài tuyến chạy qua địa bàn xã khoảng 0,423 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.

**Hệ thống đường Huyện:**

- Đường Bình Chánh: Tuyến bắt đầu từ Đường ĐT761 (tại Km28+200) đi đến cuối tuyến giao đường ĐT.761 (tại Km20+800), chiều dài tuyến chạy qua địa bàn xã khoảng 8,176 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.

- Đường 322A: Tuyến bắt đầu từ Đường ĐT761 (Km31+500) đi Đường ĐT.761 (Km33+900), chiều dài tuyến chạy qua địa bàn xã khoảng 1,6 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.

- Đường 322B: Tuyến bắt đầu từ Đường ĐT.761 (Km30+317) đi Đường ĐT.761 (Km35+266), chiều dài tuyến chạy qua địa bàn xã khoảng 2,668 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.

### **Hệ thống đường xã:**

- Đường áp 4 vào khu chăn nuôi tập trung: Tuyến bắt đầu từ Đường ĐT761 vào khu chăn nuôi, chiều dài tuyến chạy qua địa bàn xã khoảng 4,070 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2 làn xe, lộ giới 32m.

Hệ thống giao thông phục vụ nhu cầu đi lại trên địa bàn xã, quy mô 2 làn xe, lộ giới dự kiến từ 14-17m gồm:

- Đường nội đồng áp 2, chiều dài 1,677 km, lộ giới 14 m.
- Đường nội đồng áp 2 (1), chiều dài 1,442 km, lộ giới 14 m.
- Đường áp 2 suối Kop, chiều dài 1,537 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 1 áp 2, chiều dài 1,106 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 5 áp 1, chiều dài 2,074 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 3 áp 1, chiều dài 1,824 km, lộ giới 14 m.
- Đường liên ấp 2-4, chiều dài 2,966 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 5 áp 2, chiều dài 0,842 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 4 áp 2, chiều dài 1,563 km, lộ giới 14 m.
- Đường Tổng Đội 9 - 1, chiều dài 1,497 km, lộ giới 15 m.
- Đường Tổng Đội 9 - 2, chiều dài 1,131 km, lộ giới 15 m.
- Đường nội đồng áp 3, chiều dài 2,131 km, lộ giới 15 m.
- Đường áp 3 đi Suối Ràng, chiều dài 1,490 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 6 áp 4, chiều dài 0,821 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 11 áp 4, chiều dài 1,484 km, lộ giới 14 m.
- Đường Bàu Điền, chiều dài 4,993 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 22 áp 4, chiều dài 0,605 km, lộ giới 14 m.

- Đường tổ 10 ấp 4, chiều dài 0,707 km, lộ giới 14 m.
- Đường ấp 1 - Lý Lịch 1, chiều dài 1,713 km, lộ giới 15 m.
- Đường 322A, chiều dài 1,686 km, lộ giới 15 m.
- Đường liên ấp 1-3, chiều dài 1,115 km, lộ giới 15 m.
- Đường D4, chiều dài 1,024 km, lộ giới 15 m.
- Đường N11, chiều dài 0,333 km, lộ giới 15 m.
- Đường N12, chiều dài 0,563 km, lộ giới 15 m.
- Đường Trảng Tranh, chiều dài 2,993 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 7 ấp 4, chiều dài 1,236 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 16 N1 ấp Lý Lịch 2, chiều dài 0,995 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 8-Lý Lịch 2 (đi Trảng Tranh), chiều dài 0,788 km, lộ giới 15m.
- Đường tổ 14 N2 ấp 4, chiều dài 1.359 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 2 - Bàu Phụng, chiều dài 1,022 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 16 N2 ấp 4, chiều dài 1,494 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 3 ấp Bàu Phụng, chiều dài 1,707 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 6 - Bình Chánh, chiều dài 0,765 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 8 N2 Bàu Phụng, chiều dài 0,954 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 8 N1 Bàu Phụng, chiều dài 1,614 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 4 GD2 Bàu Phụng, chiều dài 0,736 km, lộ giới 14 m.
- Đường Cây Cây - Long Thành, chiều dài 3,436 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 3 ấp Cây Cây, chiều dài 0,803 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 3 ấp Cây Cây (1), chiều dài 0,353 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 5 ấp Cây cây, chiều dài 0,414 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 8 ấp Cây Cây, chiều dài 0,215 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 9 ấp Cây Cây, chiều dài 0,322 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 10 ấp Cây Cây, chiều dài 0,330 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 2 ấp Bình Chánh (1), chiều dài 1,270 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 2 ấp Bình Chánh (2), chiều dài 0,668 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 2 ấp Bình Chánh (3), chiều dài 0,207 km, lộ giới 15 m.
- Đường số 1, chiều dài 0,543 km, lộ giới 17 m.
- Đường số 2, chiều dài 0,310 km, lộ giới 14 m.
- Đường số 4, chiều dài 0,247 km, lộ giới 14 m.
- Đường số 5, chiều dài 0,148 km, lộ giới 14 m.

- Đường tổ 1 - tổ 2, chiều dài 0,615 km, lộ giới 15 m.
- Đường vào khu Già Làng, chiều dài 0,698 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 6-7 ấp Lý Lịch (đoạn 1), chiều dài 0,212 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 6-7 ấp Lý Lịch (đoạn 2), chiều dài 1,130 km, lộ giới 14 m.
- Đường tổ 12 - ấp 1, chiều dài 0,809 km, lộ giới 15 m.
- Đường tổ 3 ấp 2, chiều dài 0,214 km, lộ giới 15 m.

- Đường trong khu dân cư (ngõ, hẻm ...): Để đảm bảo lưu thông thuận tiện cũng như việc bố trí hạ tầng kỹ thuật thì các tuyến đường này cần phải bảo đảm một khoảng rộng nhất định, quy định như sau:

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $\geq 8m$ , giữ nguyên hiện trạng.

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $< 8m$  sẽ được quy hoạch lộ giới mở rộng thành 8m. Các hộ dân dọc 2 bên hẻm khi xây dựng nhà mới phải thụt lùi vô sao cho các đường hẻm có lộ giới 8m.

- Đường nội đồng trên địa bàn xã: Tất cả các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã được quy hoạch tối thiểu theo tiêu chuẩn đường loại B nông thôn, mặt đường 3,50m, lề gia cố 2 x 0,75m, nền đường tối thiểu 5m

#### **- Công trình Cầu:**

+ Các công trình cầu trên địa bàn xã được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

+ Tất cả các cầu xây mới trên địa bàn xã Phú Lý được xây dựng với tải trọng tối thiểu 0,5HL93.

#### **b) San nền:**

- Xử lý cục bộ theo từng công trình cụ thể tuân thủ địa hình tự nhiên, tránh tình trạng ngập úng cục bộ. Cao độ xây dựng khống chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí nhưng phải đảm bảo không ngập úng, hài hoà với các công trình hiện có và không làm ảnh hưởng tới các công trình hiện có lân cận.

#### **c) Thoát nước mưa:**

- Thoát nước trong các khu dân cư tập trung: Hệ thống thoát nước mặt được bố trí dọc theo các đường nội bộ. Cùng với việc nâng cấp mạng lưới đường cần xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mặt cho toàn bộ các điểm dân cư tập trung. Dọc theo các tuyến đường bố trí các mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường khi trời mưa, đảm bảo thoát nước thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống mương khi đi qua khu dân cư phải có nắp đan để đảm bảo an toàn.

- Thoát nước bên ngoài khu dân cư: nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên rồi thoát ra mương, suối.

#### **d) Hệ thống cấp nước:**

**Tiêu chuẩn cấp nước:**

- Tiêu chuẩn cấp nước cho các điểm dân cư nông thôn: 100 L/người/ngày.
- Lưu lượng nước sử dụng của các điểm dân cư bao gồm: nước sinh hoạt, nước công cộng – dịch vụ (10% sinh hoạt), nước dự phòng – rò rỉ (15% sinh hoạt và dịch vụ).

**Nguồn cấp nước:**

Giai đoạn đầu: các hộ dân tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm từ các giếng đào và giếng khoan hiện hữu.

Giai đoạn dài hạn: cải tạo nâng cấp trạm cấp nước hiện hữu ở khu trung tâm xã với công suất 1.900m<sup>3</sup>/ngày và xây dựng mới 1 trạm cấp nước tập trung ở ấp Bàu Phụng với công suất 700m<sup>3</sup>/ngày để cung cấp đủ nước cho các khu dân cư tập trung trong toàn xã.

**Mạng lưới cấp nước:**

Cùng với việc xây dựng các trạm cấp nước, Mạng lưới cấp nước cũng được xây dựng đồng bộ, phủ kín tất cả các điểm dân cư tập trung, cung cấp đủ nước cho toàn bộ các điểm dân cư tập trung trong xã.

**Nhu cầu dùng nước:** khoảng 2.566 m<sup>3</sup>/ngày.

**e) Hệ thống cấp điện:**

- Tổng nhu cầu cấp điện trên toàn xã 3.108 KVA.
- Giải pháp cấp nguồn: Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai, trạm biến áp Vĩnh An và Trị An có quy mô công suất 40MVA, cấp điện áp 110/22KV là trạm cấp điện cho thị trấn Vĩnh An và các xã lân cận trong đó có xã Phú Lý. Dài hạn sẽ nâng cấp trạm biến áp Vĩnh An lên thành 2x40MVA. Như vậy toàn bộ nhu cầu sử dụng điện của xã Phú Lý cũng như các xã lân cận sẽ được đáp ứng đầy đủ.

- Giải pháp xây dựng lưới hạ thế:

+ Lưới hạ thế sau trạm biến áp được xây dựng dọc theo các trục đường giao thông theo quy hoạch.

- Hành lang bảo vệ lưới cao thế: Đối với các tuyến cao thế đi qua địa bàn xã thì hành lang an toàn lưới điện cao thế phải tuyệt đối tuân thủ Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 “Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện”.

**f) Thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:****\* Thoát nước thải:**

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước.
- Nước thải từ các hộ dân cần được xử lý qua hệ thống tự hoại trước khi chảy chung vào hệ thống thoát nước mưa.
- Vận động nhân dân 100% số hộ xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3

ngăn và có đường ống dẫn nước thải riêng. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm tạo cho người dân có ý thức cao về bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Các cụm dân cư sống tập trung ven các trục đường, nước thải sau khi xử lý qua hệ thống tự hoại cho chảy chung vào hệ thống thoát nước mưa, các vùng dân cư sống rải rác kiểu nhà vườn, khuyến khích mỗi hộ dân xây dựng giếng thấm cho nước thải sinh hoạt.

- Trại chăn nuôi có quy mô  $\geq 1000$  con phải có trạm xử lý nước thải riêng. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định mới được thải ra môi trường.

**\* Giải pháp xử lý chất thải rắn:**

- Chỉ tiêu về thu gom rác thải: 0,8 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải thu gom khoảng: 16,42 tấn/ngày. Rác được thu gom đưa về nhà máy xử lý rác tập trung của huyện để xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định.

- Khuyến khích các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**\* Nghĩa trang:**

Tuân thủ theo quy hoạch hệ thống nghĩa trang của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh. Xã Phú Lý quy hoạch 01 nghĩa trang xã Phú Lý với quy mô 4,24 ha, xây dựng mới thành nghĩa trang tập trung của xã. Ngoài ra còn sử dụng 3 nghĩa trang hiện hữu khác với tổng diện tích khoảng 4,84 ha.

**7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:**

Stt	Tên công trình	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công trình hạ tầng xã hội</b>	<b>21.153</b>		
1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục NVH xã Phú Lý	1.550	2021 - 2023	
2	Xây dựng mới nhà văn hóa ấp Bàu Phụng	250	2021 - 2022	
3	Xây dựng mới nhà văn hóa xã Phú Lý	250	2021 - 2022	
4	Xây dựng mới nhà công vụ giáo viên xã Phú Lý	2.000	2022 - 2024	
5	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	550	2021 - 2022	
6	Cải tạo nâng cấp cơ sở trường tiểu học Bàu Phụng	5.550	2023 - 2025	
7	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Phú Lý	11.003	2023 - 2025	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>28.125</b>		
1	Nâng cấp đường Bình Chánh Ấp 4 (vốn	13.800	2022 - 2024	Đường



	huyện)			huyện
2	Đường tổ 3, ấp 1	650	2021 - 2022	
3	Đường tổ 3, ấp 3	600	2021 - 2022	
4	Đường mới, ấp 3	550	2023 - 2024	
5	Đường tổ 3, ấp Lý Lịch 1	550	2023 - 2024	
6	Đường tổ 8, ấp Lý Lịch 2	550	2023 - 2024	
7	Đường tổ 7, ấp 4	560	2021 - 2022	
8	Đường ấp 2 đi suối Ràng (GD2)	380	2024 - 2025	
9	Đường tổ 8, ấp Lý Lịch 2 (nhánh 2)	330	2024 - 2025	
10	Đường tổ 1, ấp Bình Chánh	230	2024 - 2025	
11	Đường tổ 2, ấp Bình Chánh (nhánh 1,2,3,4)	500	2023 - 2024	
12	Đường tổ 5, ấp Bình Chánh (nhánh 1)	500	2023 - 2024	
13	Đường tổ 5, ấp Bình Chánh (nhánh 2)	180	2024 - 2025	
14	Đường Cây Cây đi Long Thành (GD3)	430	2021 - 2022	
15	Đường tổ 6, ấp Bình Chánh (nhánh 1)	750	2022 - 2023	
16	Đường tổ 5, ấp Bình Chánh (nhánh 2)	600	2023 - 2024	
17	Đường tổ 5, ấp Bình Chánh (nhánh 3)	500	2023 - 2024	
18	Đường tổ 5, ấp 4	810	2022 - 2023	
19	Đường tổ 5, ấp Cây Cây	530	2021 - 2022	
20	Đường tổ 9, ấp Cây Cây	385	2021 - 2022	
21	Đường tổ 10, ấp Cây Cây	380	2021 - 2022	
22	Đường ấp 2 đi suối Kốp (GD2)	530	2021 - 2022	
23	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng	380	2021 - 2022	
24	Cải tạo sửa chữa đường đi của làng dân tộc bền vững	540	2024 - 2025	
25	Đường Bàu Điền, ấp 4 (GD2)	530	2021 - 2022	
26	Đường liên ấp 2 - 4	330	2021 - 2022	
27	Đường liên ấp 1 - Lý Lịch 1	230	2021 - 2022	
28	Đường tổ 8 - N2, ấp Bàu Phụng	280	2021 - 2022	
29	Đường tổ 8 - N1, ấp Bàu Phụng	230	2021 - 2022	
30	Đường tổ 10, ấp 4	230	2021 - 2022	
31	Đường số N7, liên ấp 1&3 (GD1)	390	2021 - 2022	
32	Đường tổ 16 - N1, ấp Lý Lịch 2	230	2021 - 2022	
33	Đường số 4, ấp Lý Lịch 2	230	2021 - 2022	
34	Đường Tổ 1 - Tổ 2, ấp Lý Lịch 2	230	2021 - 2022	
<b>III</b>	<b>Công trình khác</b>	<b>4.643</b>		
1	Trạm bơm Lý Lịch	100	2025 - 2028	
2	Xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Phú Lý	2.050	2022 - 2024	
3	Hỗ trợ xây dựng mới đường dây hạ thế sau TBA ấp 2- ấp Bàu Phụng	763	2021 - 2022	
4	Đường dây hạ thế sau TBA ấp Phú Lý 1	280	2021 - 2022	

5	Đường dây hạ thế sau TBA áp Trảng Tranh	430	2021 - 2022	
6	Đường dây hạ thế sau các TBA tổ 9&10, áp Bàu Phụng	280	2021 - 2022	
7	Đường dây hạ thế sau các TBA tổ 6, áp Bàu Phụng	280	2021 - 2022	
8	Đường dây hạ thế sau các TBA tổ 7, áp 1	180	2021 - 2022	
9	Đường dây hạ thế sau các TBA tổ 1, áp 2	280	2021 - 2022	
<b>Tổng cộng</b>		<b>53.921</b>		

### 8. Quy định quản lý:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã Phú Lý, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND xã triển khai thực hiện:

- a) Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
- b) Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, Tư Pháp, Văn hóa và Thông tin, Y tế, Giáo dục, Lao động Thương binh và xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Chủ tịch UBND xã Phú Lý, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Các Sở ngành có liên quan;
- Lưu: VT.Cường  
(Nghĩa KTHT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *leho*

PHÓ CHỦ TỊCH



*muon*  
Nguyễn Cao Tài